

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 5/7/2017

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Kim Nhung

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Sỹ

Bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Liên - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Thuỷ - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 5 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2017/TLPT- HNGĐ ngày 13/4/2017 về việc ly hôn. Do bản án sơ thẩm số 09/2017/HNGĐ-ST ngày 07/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 351/2017/QĐ-PT ngày 23/5/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Hương L, sinh năm 1976

Hiện trú tại: Thôn C, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: Anh Mai Xuân L, sinh năm 1965

Hiện trú tại: T 9, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người có kháng cáo: Anh Mai Xuân L, bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Mai Xuân L trình bày: Quá trình tìm hiểu để đi đến kết hôn giữa chị Trương Thị Hương L và anh Mai Xuân L là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hoá, huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình vào ngày 25/6/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có với nhau 01 người con chung. Những năm gần đây do bất đồng quan điểm trong cuộc sống khiến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày

càng trở nên trầm trọng, hiện tại chị L và anh L không còn tình cảm vợ chồng nên chị L làm đơn xin ly hôn với anh L.

Về con chung: Con chung của vợ chồng có một cháu là Mai Duy H sinh ngày 02/4/2012, nếu ly hôn thì chị L xin được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng.

Tài sản chung của vợ chồng gồm có:

01 ngôi nhà gỗ ba gian trị giá 15.000.000đồng,

01 thửa đất ở trị giá 105.000.000đồng

Vợ chồng vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Minh Hoá số tiền 50.000.000đồng.

Chị L xin được sở hữu nhà ở để có điều kiện nuôi con.

Bị đơn anh Mai Xuân L trình bày: Nhất trí như ý kiến của nguyên đơn trình bày về quá trình kết hôn, tuy trong cuộc sống có nhiều mâu thuẫn nhưng vì con cái nên anh L mong muốn được đoàn tụ, nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh L cũng chấp nhận theo ý kiến của chị L.

Về con chung: có một con chung nếu ly hôn anh L xin được nuôi con, vì điều kiện hiện nay của anh L có đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng có ngôi nhà và đất vườn trị giá 120.000.000 đ.

Số tiền vay: Vay ngân hàng 50 triệu đồng, vay Công ty TNHHXD tổng hợp Đ 70 triệu đồng. Nếu ly hôn anh L đề nghị bán tài sản chung để trả hết nợ, còn lại chia đôi.

Tại bản án dân sự số 09/2017/HNGĐ –ST ngày 07/3/2017 Toà án nhân dân huyện Minh Hoá đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử: chị Trương Thị Hương L được ly hôn với anh Mai Xuân L.

2. Về con chung của vợ chồng: Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử: Giao cháu Mai Duy H sinh ngày 02/4/2012 cho chị Trương Thị Hương L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Mai Xuân L có nghĩa vụ nộp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Trương Thị Hương L mỗi tháng là 1.000.000 đồng thời gian nộp tiền cấp dưỡng kể từ tháng 3 năm 2017 cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi.

Anh Mai Xuân L có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản anh L thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Áp dụng Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình:

Giao cho chị Trương Thị Hương L được quyền và có nghĩa vụ:

Sở hữu 01 ngôi nhà gỗ ba gian bao che bằng gỗ ván, mái lợp ngói trị giá 15.000.000 đồng.

Được quyền sử dụng 450,5m² đất (trong đó có 100m² đất ở và 350,5m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 813, tờ bản đồ số 02, thôn Cổ Liêm xã Tân Hoá, huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình, trị giá 63.536.000đồng; thửa đất gắn liền ngôi nhà gỗ 03 gian được giao cho chị L sở hữu. Thửa đất giao cho chị L được

quyền sử dụng có vị trí như sau: Phía bắc giáp đường IFac (đường liên xã dài 20,10m; phía nam giáp đất của ông Cao Văn Ninh dài 12.40m, phía đông giáp đất được phân chia cho anh Mai Xuân L dài 30,82m, phía tây giáp đất của ông Cao Xuân Bào dài 26,91m;

Chị L có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Minh Hoá số tiền 50.000.000, đồng (năm mươi triệu đồng – sổ vay số BH 598144 lập ngày 16/6/2014);

Được nhận tiền chênh lệch phân chia tài sản và khoản vay chung do anh Mai Xuân L trả lại cho 7.000.000đồng.

Giao cho anh Mai Xuân L được quyền và có nghĩa vụ:

Được quyền sử dụng 294,0m² đất (trong đó có 100m² đất ở và 194m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 813, tờ bản đồ số 02, thôn Cổ Liêm xã Tân Hoá, huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình, trị giá 41.464.000đồng, diện tích đất giao cho anh L được quyền sử dụng có vị trí như sau: phía bắc giáp đường IFac (đường liên xã) dài 10m, phía nam giáp đất ở của ông Cao Văn N dài 10m, phía đông giáp đất được giao cho chị L sử dụng dài 30,82m, phía tây giáp đất của ba hộ là bà M, ông Q và bà M dài 30,82m.

Anh L có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền chênh lệch chia tài sản và khoản vay số tiền 7.000.000đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về mức án phí và quyền kháng cáo cho đương sự theo luật định.

Ngày 26/9/2016 anh Mai Xuân L kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét giải quyết phân chia tài sản chung; nợ chung; tiền cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Tại phiên toà phúc thẩm bị đơn anh Mai Xuân L giữ nguyên đơn kháng cáo, cụ thể:

Anh L xin được nhận phần tài sản mà chị L đã nhận để anh trả khoản nợ nhiều hơn mà chưa được cấp sơ thẩm xem xét.

Về đàn bò 5 con chưa được xem xét.

Về khoản nợ chung vay tại Công ty Đức Q chưa được Toà sơ thẩm xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con anh L đề nghị hạ mức cấp dưỡng nuôi con xuống 300.000 đ/ tháng, chứ 1.000.000 đ là quá cao.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về các nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của bị đơn đưa ra, vì không có căn cứ.

Sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét, ý kiến tranh luận của các bên đương sự, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa, xét kháng cáo của bị đơn ông Mai Xuân L.

NHẬN ĐỊNH VỀ VỤ ÁN

* Về việc cấp dưỡng tiền nuôi con anh L không đồng ý với mức 1.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên, anh chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 300.000 đ, theo nội dung kháng cáo này, Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng chị Trương Thị Hương L và anh Mai Xuân L có một con chung là cháu Mai Duy H, sinh ngày 02/4/2012, sau khi ly hôn án sơ thẩm đã giao cháu Mai Duy H cho chị L nuôi dưỡng, buộc anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Xét thấy hiện tại anh Mai Xuân L là giáo viên thu nhập từ mức lương ổn định với mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp với điều kiện sinh hoạt hàng ngày và các nhu cầu thiết yếu để nuôi con nhỏ, do đó không chấp nhận kháng cáo của anh Mai Xuân L mà cần giữ y án sơ thẩm.

* Về tài sản:

+ Về đất ở và ngôi nhà: Thửa đất số 813, tờ bản đồ 02 địa chỉ: thôn Cổ Liêm, xã Tân Hoá, huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình có diện tích 744,50m² mang tên anh Mai Xuân L và chị Trương Thị Hương L là tài sản chung được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân đã được cấp sơ thẩm xem xét là tài sản chung của vợ chồng. Trên diện tích đất này có xây dựng một ngôi nhà gỗ ba gian bao che bằng gỗ ván, mái lợp ngói. Án sơ thẩm phân tích đánh giá nhu cầu và khả năng của các bên đã giao cho chị L được sử dụng về đất và sở hữu ngôi nhà cấp bốn để nuôi con là hoàn toàn phù hợp với điều kiện thực tế của người phụ nữ sau khi ly hôn về phía anh L có khả năng tạo dựng nơi ở mới thuận lợi hơn, vì vậy kháng cáo của anh L không được chấp nhận.

+ Về khoản nợ vay chung: Nợ chung của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Minh Hoá số tiền 50 triệu đồng đã được hai bên thừa nhận, riêng khoản vay 100 triệu đồng các bên tranh chấp. Án sơ thẩm xác định khoản vay 50 triệu đồng tại Ngân hàng nông nghiệp huyện Minh Hoá là đúng, không chấp nhận khoản vay 100 triệu đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết anh L khai nhận anh vay dùng vào mục đích làm nhà, về phía chị L không thừa nhận có khoản vay này, theo chị khi làm nhà vợ chồng chỉ vay Ngân hàng, ngoài khoản vay này vợ chồng chị không vay thêm ai. Tại phiên toà anh L cũng không đưa ra chứng cứ để chứng minh cho kháng cáo của mình, án sơ thẩm không chấp nhận khoản vay anh L đưa ra là có cơ sở.

+ Về đàn bò 5 con: Tại phiên toà phúc thẩm anh L trình bày trong đơn kháng cáo anh có khai ngoài tài sản chung của vợ chồng mà án sơ thẩm đã giải quyết thì vợ chồng anh chị còn có 5 con bò chưa được xem xét, nhưng theo anh L khai rằng mục đích anh nêu lên là để chị L biết anh không tranh chấp, nhưng lại không rút kháng cáo đối với nội dung này. Theo nội dung kháng cáo của anh L, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm qua xác minh hoà giải các bên đương sự không kê khai là tài sản chung của vợ chồng còn có đàn bò 5 con mà chưa được cấp sơ thẩm xem xét, tuy nhiên tại phiên toà các bên đương sự không thoả thuận, chị L thì khẳng định không có bò như anh L kê khai. Tại phiên toà phúc thẩm

anh L không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho kháng cáo của mình, nên cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Mai Xuân L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: anh L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 58, Điều 59, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Mai Xuân L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuyên xử:

1. Về quan hệ con chung: Giao cháu Mai Duy H sinh ngày 02/4/2012 cho chị Trương Thị Hương L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Mai Xuân L có nghĩa vụ nộp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Trương Thị Hương L mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 3 năm 2017 cho đến khi cháu Mai Duy H tròn 18 tuổi.

Anh Mai Xuân L có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản anh L thực hiện quyền này.

2. Về tài sản chung: Y án sơ thẩm

Xử: Giao cho chị Trương Thị Hương L được sở hữu 01 ngôi nhà gỗ ba gian bao che bằng gỗ ván, mái lợp ngói trị giá 15.000.000 đồng.

Được quyền sử dụng 450,5m² đất (trong đó có 100m² đất ở và 350,5m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 813, tờ bản đồ số 02, thôn Cổ Liêm xã Tân Hoá, huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình, trị giá 63.536.000 đồng; thửa đất gắn liền ngôi nhà gỗ 03 gian được giao cho chị L sở hữu. Thửa đất giao cho chị L được quyền sử dụng có vị trí như sau:

Phía Bắc giáp đường IFac (đường liên xã) dài 20,10m.

Phía Nam giáp đất của ông Cao Văn N dài 12,40m.

Phía Đông giáp đất được phân chia cho anh Mai Xuân L dài 30,82m.

Phía Tây giáp đất của ông Cao Xuân B dài 26,91m.

Chị L có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Minh Hoá số tiền 50.000.000, đồng (năm mươi triệu đồng – sổ vay số BH 598144 lập ngày 16/6/2014).

Tổng giá trị chị L được hưởng là 78.536.000 đồng. Chị L có nghĩa vụ phải trả 50.000.000 đ cả gốc và lãi cho Ngân hàng nông nghiệp huyện Minh Hoá.

Được nhận tiền chênh lệch phân chia tài sản từ anh Mai Xuân L số tiền 7.000.000 đồng.

Giao cho anh Mai Xuân L được quyền sử dụng 294,0m² đất (trong đó có 100m² đất ở và 194m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 813, tờ bản đồ số 02, thôn Cổ Liêm xã Tân Hoá, huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình, trị giá 41.464.000đồng, diện tích đất giao cho anh L được quyền sử dụng có vị trí như sau:

Phía Bắc giáp đường IFac (đường liên xã) dài 10m.

Phía Nam giáp đất ở của ông Cao Văn N dài 10m.

Phía Đông giáp đất được giao cho chị L sử dụng dài 30,82m.

Phía Tây giáp đất của ba hộ là bà M, ông Q và chị M dài 30,82m.

Tổng giá trị tài sản: Anh L được hưởng 41.464.000đồng.

Anh L phải có trách nhiệm thanh toán trả tiền chênh lệch chia tài sản cho chị Trương Thị Hương L là 7.000.000 đồng.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Mai Xuân L đối với việc xem xét tài sản chung của vợ chồng gồm có 5 con bò và khoản nợ vay 100.000.000 đ tại Công ty TNHHXDTH Đ Q vì không có cơ sở.

3. Về án phí:

Anh Mai Xuân L phải chịu 300.000 đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000209 ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hoá.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.”

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh (P9);
- TAND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án

Võ Thị Kim Nhung